TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2022
Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lạc

Bà Lê Thị Linh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Long An (Hộ khẩu thường trú: Ấp Tr, xã B, huyện V, tỉnh Long An).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành Tr1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Long An (Hộ khẩu thường trú: Ấp Tr, xã B, huyện V, tỉnh Long An).

Bà Th1 có mặt, ông Tr1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 04 tháng 03 năm 2022 nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Yêu cầu của bà Th1: Xin được ly hôn với ông Tr1, yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 17/10/2004 và Nguyễn Gia B1, sinh ngày 01/01/2014, yêu cầu ông Tr1 cấp dưỡng nuôi con chung tên Gia B1 mỗi tháng

2.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà Th1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Nội dung vụ án và lý do yêu cầu được bà Th1, trình bày như sau: Bà và ông Tr1 tìm hiểu nhau một thời gian thì tổ chức lễ cưới vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện; Vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh G ngày 03/02/2006. Sau khi cưới, hai vợ chồng sinh sống tại ấp Tr, một thời gian sau thì về ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Long An. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến khi ông Tr1 có tình cảm với người phụ nữ khác (khoảng năm 2019) thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông Tr1 không còn quan tâm đến bà, có khi còn đánh bà. Bà đã nhiều lần bàn bạc với ông Tr1 nhưng không có kết quả từ đó mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 17/10/2004 Nguyễn Gia B1, sinh ngày 01/01/2014, con chung do bà đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Tr1 trình bày: Ông Tr1 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được lời trình bày.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định như vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án.

Nội dung vụ án: Bà Th1 và ông Tr1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình; Quá trình giải quyết vụ án, ông Tr1 cố tình vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập và tại các phiên tòa, ông Tr1 cũng không có ý kiến muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng; Mặt khác, vợ chồng bà Th1 đã sống ly thân nên cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ; Con chung cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 17/10/2004 và Nguyễn Gia B1, sinh ngày 01/01/2014 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng muốn ở với bà Th1, bà Th1 có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Tr1 cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, về nợ chung thì bà Th1 xác định không có. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Th1: Bà Th1 được ly hôn với ông Tr1, giao con chung cho bà Th1 nuôi dưỡng và chăm sóc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà Th1 yêu cầu ly hôn với ông Tr1, ông Tr1 có nơi cư trú tại xã B, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông Tr1 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Tr1 là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Th1 và ông Tr1 được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M, tỉnh G vào ngày 03/02/2006 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình;

Bà Th1 xác định bà đã nhiều lần bàn bạc, khuyên nhủ ông Tr1 để hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không có kết quả nên nay giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; Ông Tr1 nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc là thể hiện việc bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, để cho bà Th1 tự định đoạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà Th1 và ông Tr1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Các con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 17/10/2004 và Nguyễn Gia B1, sinh ngày 01/01/2014 có nguyện vọng được ở với bà Th1. Biên bản xác minh tại địa phương ngày 19/4/2022 thể hiện các con chung đang sống cùng bà Th1 và ông Tr1 tại ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Long An; bà Th1 có thu nhập từ việc làm thuê cho quán kinh doanh thức ăn, trông giữ trẻ, đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Th1, giao con chung cho bà Th1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Bà Th1 không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà Th1 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung mà để tự thỏa thuận, còn nợ chung thì xác định không có. Ông Tr1 cũng không có yêu cầu đối tài sản chung và nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà Th1.

[6] Về án phí: Do bà Th1 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà Th1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình không giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật

Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th1 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Thành Tr1.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th1 được ly hôn với ông Nguyễn Thành Tr1.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia H1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 17/10/2004 và Nguyễn Gia B1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 01/01/2014 cho bà Nguyễn Thị Th1 trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Nguyễn Thị Th1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích của con chung hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Th1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003645 ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng sang tiền án phí.

Báo cho bà Nguyễn Thị Th1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thành Tr1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã A, huyện M,
tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu